

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Thanh Trà** và bà **Nguyễn Thị Xuân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Lại Thị Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 93/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị H – sinh năm 1977

Nơi cư trú: thôn Châu Tử, xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa).

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn Q – sinh năm 1972

Nơi cư trú: ấp Phú Hợp A, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai).

(chị Huyền, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2025; lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H, anh Q tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2004 đăng ký kết hôn vào ngày 09/11/2004 tại UBND xã T, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã L, tỉnh Thanh Hóa). Đời sống hôn nhân vợ chồng chị hạnh phúc đến năm 2005 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm vợ chồng không có tiếng nói chung, anh Q thường hay sử dụng rượu, bia không quan tâm gia đình. Từ năm 2025 cho đến nay chị và anh Q không còn sống chung với nhau. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 21/8/2005. Hiện nay cháu H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Q vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của anh Q.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Huyền, cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 21/8/2005 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản, nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có phát sinh tranh chấp.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: bị đơn anh Nguyễn Văn Q cư trú xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị H yêu cầu khởi kiện ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: chị Lê Thị H là nguyên đơn; anh Nguyễn Văn Q là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q nhưng anh Q vắng mặt mà không có lý do chính đáng; chị H có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về đường lối giải quyết vụ án:

[5.1] Về hôn nhân: Chị H, anh Q tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/11/2004 tại UBND xã T, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa). Vì vậy, hôn nhân giữa chị Huyền, anh Q là hôn nhân hợp pháp được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Đời sống hôn nhân của chị Huyền, anh Q hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, ngoài ra anh Q không quan tâm gia đình nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Chị Huyền, anh Q đã không còn sống chung với nhau từ năm 2005 cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, việc này phù hợp với biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng. Từ những lý do nêu trên, xác định được chị H, anh Q trong quá trình sống chung đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Q là có cơ sở chấp nhận.

[5.2] Về con chung: con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 21/8/2005 hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không giải quyết.

[5.3] Về tài sản và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, 220, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 85, 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 54 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Huyền. Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: chị Huyền, anh Q có con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 21/8/2005 hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn. Được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí

chị H đã nộp theo biên lai số 0013974 ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Đồng Nai, Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai). Chị H đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 8 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Triệu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (để ghi vào sổ hộ tịch ĐK ngày 09/11/2004)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuấn